

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN MẮT

Số: 1088/BVM-HCQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2025

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm gói thầu "In ấn phẩm chuyên môn"

Kính gửi: Các Doanh nghiệp, nhà cung cấp, hộ kinh doanh quan tâm.

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận chào giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu In ấn phẩm chuyên môn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Mắt.

2. Mã số thuế: 0301483745

3. Địa chỉ: Số 280 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Điện thoại: 028 39 325 364.

5. Cách thức tiếp nhận tài liệu chào giá: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: "Chào giá mua sắm gói thầu In ấn phẩm chuyên môn theo công văn mời chào giá số/BVM-HCQT"

Nơi nhận: Bộ phận tiếp nhận văn thư đến - Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM

6. Thời hạn tiếp nhận tài liệu chào giá: Từ 10 giờ 00 ngày 16 tháng 5 năm 2025 đến trước 15 giờ 00 ngày 22 tháng 5 năm 2025.

7. Thời hạn có hiệu lực của chào giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
I	KHOA GIÁC MẠC			
1	Hồ sơ bệnh án (nội trú)	Bộ	3.000	- Sử dụng cho Khoa Giác mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 11 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				1 tờ A5, 15 tờ A4 (Trong đó có 3 tờ in 1 mặt, 12 tờ in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
2	Bệnh án ngoại trú mắt (bán phần trước) (gáy mỏng)	Bộ	10.000	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 5 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4), 3 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Khoảng cách dòng chữ của phiếu theo dõi điều trị đủ tối thiểu 4cm để bệnh viện dán tem. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
3	Bệnh án ngoại trú (bán phần trước) (gáy dày)	Bộ	10.000	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 20 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4), 7 tờ A4 (Trong đó 6 tờ A4 in 2 mặt, 1 tờ A4 in 1 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện.
4	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	200	- Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
5	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp 2-3) (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	15.000	- Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
6	Phiếu theo dõi điều trị (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	20.000	- Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
7	Biên bản hội chẩn phẫu thuật	Tờ	20.000	- Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
8	Biên bản hội chẩn thuốc	Tờ	1.000	- Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
9	- Bảng kiểm tra tiền phẫu (mặt trước) - Bảng kiểm an toàn phẫu thuật (mặt sau)	Tờ	20.000	- 01 tờ A4 in 2 mặt. Trong đó: - Mặt trước: Khở giấy A4, dọc, giấy For (80gsm) - Mặt sau: Khở giấy A4, ngang, giấy For (80gsm)
10	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú (tờ 1: công khai XN) (TT 50/2017/TT-BYT)	Tờ	5.000	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
11	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú (tờ 2: công khai thuốc) (TT	Tờ	10.000	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	50/2017/TT-BYT)			
12	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Tờ	10.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
13	Giấy cam kết chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	20.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
14	Phiếu kiểm tra hồ sơ bệnh án	Tờ	1.000	Khở giấy A3, gấp đôi thành 02 tờ A4, in 3 mặt, giấy For (80gsm)
15	Danh mục hồ sơ bệnh án	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
16	Bảng kiểm bàn giao điều dưỡng trực	Tờ	5.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
17	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV (TT 01/2015/TT-BYT)	Tờ	500	Khở giấy A5, dọc in 1 mặt, giấy For (70gsm)
18	Đơn thuốc	Tờ	1.000	Khở giấy A5, dọc in 1 mặt, giấy For (70gsm)
19	Giấy ra viện	Tờ	10.000	Giấy màu hồng Khở giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện
20	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (điều dưỡng) (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
21	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (bác sĩ) (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
22	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh chữa bệnh (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
23	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	200	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
24	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sĩ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh) (TT 32/2023/TT-BYT)	Tờ	200	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
25	Sổ hợp giao ban	10	Cuốn	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy For (80gsm)
26	Sổ kiểm tra	10	Cuốn	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (120gsm), in 1 mặt, bao kiếng bìa Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy For (80gsm)
27	Sổ biên bản hội chẩn	10	Cuốn	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy For (80gsm)
28	Sổ thường trực	10	Cuốn	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy For (80gsm)
29	Sổ bàn giao thuốc thường trực	10	Cuốn	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy For (80gsm)
30	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	10	Cuốn	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy For (70gsm)
II	KHOA GLÔCÔM			
1.	Bệnh án ngoại trú mắt (glôcôm-laser Iridotomy)	Bộ	8.000	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 2 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
2.	Bệnh án ngoại trú mắt (glôcôm –laser Capsulotomy)	Bộ	12.000	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 18 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 2 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
3.	Bệnh án ngoại trú mắt (glôcôm Needling)	Bộ	300	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 9 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 2 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
4.	Bệnh án ngoại trú mắt (ngoại trú glaucoma)	Bộ	300	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 11 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 11 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
5.	Tờ thông tin thuốc (pilocarpine-Ispto 2%)	Tờ	8.000	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (70gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
6.	Lời dặn sau điều trị laser yag	Tờ	18.000	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
7.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức thủ thuật laser yag cắt móng chu biên	Tờ	8.000	Khổ A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức thủ thuật laser yag mở bao sau	Tờ	12.000	Khổ A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu Danh mục hồ sơ bệnh án	Tờ	200	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	8.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Phiếu chăm sóc và theo dõi (cấp 2-3)	Tờ	20.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Phiếu theo dõi dịch truyền	Tờ	8.000	Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Tờ	14.000	Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Biên bản hội chẩn	Tờ	30	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Biên bản hội chẩn thuốc	Tờ	30	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Biên bản hội chẩn thông qua phẫu thuật	Tờ	10.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
17.	Giấy cam kết chấp nhận Phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	10.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
18.	Phiếu khám tiền mê/ tiền phẫu	Tờ	10.000	Giấy màu vàng Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
19.	Bảng kiểm tra tiền phẫu+bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	10.000	- 01 tờ A4 in 2 mặt. Trong đó: - Mặt trước: Khổ giấy A4, dọc, giấy For (80gsm) - Mặt sau: Khổ giấy A4, ngang, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
20.	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Tờ	8.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
21.	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
22.	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	20.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
23.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (điều dưỡng)	Tờ	200	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
24.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (bác sĩ)	Tờ	200	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
25.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
26.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
27.	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sĩ (khi chưa kết thực việc chữa bệnh)	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
28.	Phiếu kiểm tra hồ sơ bệnh án	Tờ	1.000	Khổ giấy A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm) theo mẫu bệnh viện
29.	Phiếu truyền máu	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
30.	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	100	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
31.	Mẫu thẻ theo dõi dị ứng	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
32.	Hướng dẫn người bệnh sau mổ cườm nước	Tờ	7.000	Giấy màu vàng Khổ giấy A5, in 2 mặt, giấy For (80gsm) - Mặt trước: Khổ giấy A5, dọc, giấy For (80gsm) - Mặt sau: Khổ giấy A5, ngang, giấy For (80gsm)
33.	Giấy cam kết (điều trị theo chỉ phí thỏa thuận)	Tờ	7.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
34.	Giấy ra viện	Tờ	7.000	Giấy màu hồng Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện
35.	Bao kiếng giấy ra viện	Bao	7.000	Chất liệu nhựa mềm, bóng kính. Khổ A5, dùng để đựng giấy ra viện, có nếp gấp để bảo vệ giấy ra viện không bị rơi

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				Chi tiết theo mẫu của bệnh viện
36.	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	1.000	Khở giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu
37.	Thẻ nuôi bệnh	Thẻ	7.000	In màu theo mẫu của bệnh viện Giấy For (180gsm) In ngang, 2 mặt, Kích thước: 55mmx90mm
38.	Phiếu đăng ký phòng dịch vụ	Tờ	2.000	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
39.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật Áp lạnh thể mi	Tờ	600	Khở giấy A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm) theo mẫu bệnh viện
40.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật đặt thiết bị dẫn lưu Glôcôm	Tờ	600	Khở giấy A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm) theo mẫu bệnh viện
41.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt bẻ củng mạc	Tờ	3.000	Khở giấy A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm) theo mẫu bệnh viện
42.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật thủy tinh thể và đặt kính nội nhãn kèm hoặc không kèm cắt bẻ củng mạc và gây mê hồi sức	Tờ	2.000	Khở giấy A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm) theo mẫu bệnh viện
43.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức tiêm thuốc nội nhãn (Avastin) và gây mê hồi sức	Tờ	600	Khở giấy A3, in 2 mặt, giấy For (80gsm) theo mẫu bệnh viện
44.	Hồ sơ bệnh án (HS xanh)	Bộ	7.000	- Sử dụng cho Khoa Glôcôm - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 18 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 2 tờ A3, 5 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
45.	Sổ thường trực	Cuốn	05	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 2 mặt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 trang
46.	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	25	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 trang
47.	Sổ giao ban	Cuốn	02	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm)
48.	Sổ biên bản hội chẩn	Cuốn	01	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm)
49.	Sổ kiểm tra	Cuốn	01	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm)
III	KHOA THẦN KINH NHÂN KHOA – TẠO HÌNH THẨM MỸ			
1.	Hồ sơ ngoại trú bán phần trước (tiêm Botox)	Bộ	2.400	- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân khoa - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 4 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 2 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
2.	Hồ sơ ngoại trú bán phần trước	Bộ	5.400	- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân khoa. - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 5 tờ A4 in 2 mặt (<i>Trong đó có 1 tờ A4 mặt phía sau in ngang</i>) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
3.	Hồ sơ ngoại trú chấn thương	Bộ	2.400	- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân khoa. - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 2 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
4.	Bệnh án nội trú chấn thương	Bộ	4.200	- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân khoa. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 2 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (<i>trong đó có 5 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt</i>) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
5.	Bệnh án nội trú thần	Bộ	1.200	Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	kính nhãn khoa			khoa. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 2 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 4 tờ in 2 mặt, 2 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
6.	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	6.000	Khô giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu
7.	Giấy ra viện (màu hồng)	Tờ	6.000	Giấy màu hồng nhạt Khô giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In màu theo mẫu của bệnh viện
8.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	12.000	Khô giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật mở thành ngoài hốc mắt lấy u	Tờ	600	Khô giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lột sản hốc mắt	Tờ	1.200	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
11.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật dị vật giác mạc sâu	Tờ	1.800	Khô giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật mức nội nhãn	Tờ	600	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
13.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lấy thủy tinh thể đục, vỡ sau chấn thương	Tờ	1.200	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
14.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ	Tờ	600	Khô giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật dị vật hốc mắt			
15.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật rách giác mạc - củng mạc	Tờ	6.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt bỏ nhãn cầu	Tờ	600	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
17.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật quặm	Tờ	1.200	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
18.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật mộng thịt	Tờ	2.400	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
19.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật tiếp khẩu túi lệ mũi + silicon	Tờ	2.400	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
20.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc	Tờ	840	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
21.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật tạo hình điểm lệ	Tờ	600	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
22.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật thẩm mỹ mí mắt	Tờ	1.200	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
23.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi	Tờ	600	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	sức phẫu thuật sụp mí			
24.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật u vùng mí mắt	Tờ	1.200	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
25.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật phủ kết mạc trên mắt mắt chức năng	Tờ	600	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
26.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Phẫu thuật áp-xe mí mắt/áp-xe túi lệ	Tờ	1.200	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
27.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Phẫu thuật cắt u hốc mắt có hoặc không có mở xương	Tờ	720	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
28.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Phẫu thuật cường cơ Muller	Tờ	200	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
29.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Phẫu thuật Nạo vét hốc mắt	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
30.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Phẫu thuật Nối lệ quản có đặt ống silicon	Tờ	1.200	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
31.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Phẫu thuật Rạch lệ quản đặt ống silicon	Tờ	600	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
32.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi	Tờ	1.200	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	sức Phẫu thuật Rửa máu tiền phòng			
33.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Phẫu thuật Tạo hình mí mắt	Tờ	1.200	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
34.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức Tiêm kháng sinh nội nhãn	Tờ	1.200	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
35.	Giấy cam kết (v/v điều trị bệnh theo chỉ phí thỏa thuận)	Tờ	12.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
36.	Biên bản hội chẩn	Tờ	240	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
37.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú (dùng trong bệnh viêm thị thần kinh)	Tờ	1.200	Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
38.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Tờ	18.000	Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
39.	Biên bản hội chẩn phẫu thuật	Tờ	24.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80 gsm)
40.	Bảng kiểm tra tiền phẫu Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	24.000	Khỏ giấy A4, in 2 mặt, giấy For (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
41.	Tờ đồng thuận điều trị corticoid liều cao	Tờ	1.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
42.	Giấy đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	100	Khỏ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
43.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	600	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
44.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp 2-3)	Tờ	13.200	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
45.	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	1.200	Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
46.	Phiếu hướng dẫn dinh dưỡng cho bệnh nhân mổ gây mê	Tờ	600	Khỏ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
47.	Biên bản hội chẩn	Tờ	100	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	thuốc			
48.	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị	Tờ	200	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
49.	Phiếu theo dõi điều trị (Laser thuốc in sẵn)	Tờ	1.200	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
50.	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Tờ	6.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
51.	Giấy đóng tiền tạm ứng	Thẻ	4.800	Giấy For (180gsm) Kích thước: 80mmx50mm In 1 mặt, dọc
52.	Phiếu hẹn mổ chương trình (HSBA)	Tờ	2.400	Giấy For (100gsm) Kích thước: 100mmx120mm In 1 mặt, dọc
53.	Phiếu hẹn BN mổ chương trình (khoa THPTM - TKNK)	Tờ	2.400	Giấy For (100gsm) Kích thước: 105mmx125mm In 1 mặt, dọc
54.	Giấy xác nhận BN sử dụng BHYT	Tờ	2.400	Giấy For (100gsm) Kích thước: 105mmx125mm In 1 mặt, dọc
55.	Giấy kiểm tra hồ sơ ngoại trú	Tờ	6.000	Giấy For (70gsm) Kích thước: 80mmx85mm In 1 mặt, dọc
56.	Đơn thuốc laser	Tờ	1.200	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
57.	Những điều thầy thuốc cần dặn người bệnh sau mổ tiếp khâu túi lệ mũi	Tờ	1.800	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
58.	Những điều cần biết khi người bệnh xuất viện	Tờ	6.000	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
59.	Biên bản hội chẩn thực hiện chẩn đoán hình ảnh kỹ thuật cao (MRI/CT)	Tờ	500	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
60.	Phiếu hẹn NB mổ chương trình THPTM - TKNK	Tờ	6.000	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
61.	Laser nội soi mổ thông túi lệ mũi	Tờ	1.800	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy Couch (150gsm), cần 2 đường gấp làm 3 In màu theo mẫu bệnh viện
62.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa	Tờ	360	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	(Dành cho bác sĩ)			
63.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Tờ	360	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
64.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
65.	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sĩ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
66.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	4.800	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
67.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	600	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
IV	KHOA DỊCH KÍNH VĨNG MẠC			
1.	Bệnh án ngoại trú mắt (đáy mắt)	Bộ	63.000	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính võng mạc - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 25 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 5 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
2.	Hồ sơ bệnh án (Dịch kính võng mạc)	Bộ	2.400	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính võng mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 32 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 10 tờ A4 (<i>trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 2 tờ in 1 mặt</i>) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
3.	Hồ sơ bệnh án (phẫu thuật về trong ngày)	Bộ	12.000	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính võng mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 20 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 12 tờ A4 (<i>trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 4 tờ in 1 mặt</i>) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
4.	Hồ sơ bệnh án (tiêm thuốc nội nhãn)	Bộ	100	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính võng mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 20 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 12 tờ A4 (<i>trong đó có 10 tờ in 2 mặt, 2 tờ in 1 mặt</i>) theo mẫu Bệnh viện vào gáy.

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				Đóng kim gáy.
5.	Danh mục hồ sơ bệnh án	Tờ	100	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
6.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	30.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp 2-3)	Tờ	50.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (ngoại trú DKVM)	Tờ	60.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	1.000	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
10.	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú	Tờ	2.000	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
11.	Biên bản hội chẩn thuốc	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Biên bản hội chẩn phẫu thuật	Tờ	8.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Giấy cam kết chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	15.000	01 tờ A3, gấp đôi (in 3 mặt A4), giấy For (80gsm)
14.	Phiếu cam kết chấp thuận tiêm thuốc nội nhãn	Tờ	65.000	01 tờ A3, gấp đôi (in 3 mặt A4), giấy For (80gsm)
15.	Bảng kiểm tra tiền phẫu	Tờ	6.000	Khở giấy A4, in 2 mặt, giấy For (70gsm) - Mặt trước: Khở giấy A4, dọc - Mặt sau: Khở giấy A4, ngang
16.	Bảng kiểm tra tiền phẫu tiêm thuốc	Tờ	50.000	Khở giấy A4, in 2 mặt, giấy For (70gsm) - Mặt trước: Khở giấy A4, dọc - Mặt sau: Khở giấy A4, ngang
17.	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
18.	Phếu sơ kết 15 ngày điều trị	Tờ	100	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
19.	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	2.500	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Phiếu theo dõi điều trị (dành cho hồ sơ tiêm thuốc)	Tờ	50.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
21.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh	Tờ	500	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
22.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
23.	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sĩ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
24.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (dành cho điều dưỡng)	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
25.	Phiếu truyền máu	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
26.	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	1.000	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
27.	Mẫu thẻ theo dõi dị ứng	Tờ	2.500	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
28.	Phiếu tóm tắt quy trình chuyên môn khâu IOL củng mạc	Tờ	1.000	Giấy màu Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (100gsm)
29.	Phiếu tóm tắt quy trình chuyên môn mổ lấy dị vật nội nhãn	Tờ	1.000	Giấy màu Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (100gsm)
30.	Phiếu tóm tắt quy trình chuyên môn viêm mủ nội nhãn	Tờ	1.000	Giấy màu Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (100gsm)
31.	Phiếu tóm tắt quy trình chuyên môn thủy tinh thể rơi vào pha lê thể	Tờ	1.000	Giấy màu Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (100gsm)
32.	Phiếu tóm tắt quy trình chuyên môn mổ bong võng mạc có lỗ rách	Tờ	1.000	Giấy màu Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (100gsm)
33.	Tờ bướm “Thoái hóa hoàng điểm ở người lớn tuổi”	Tờ	1.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
34.	Tờ bướm “Những điều cần biết về phẫu thuật cắt dịch kính lấy thể thủy tinh lệch/ IOL lệch kết hợp đặt IOI (thể thủy tinh nhân tạo) củng mạc”	Tờ	1.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm), In theo mẫu của bệnh viện
35.	Tờ bướm “Lệch thể thủy tinh”	Tờ	1.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm),

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				In theo mẫu của bệnh viện
36.	Tờ bướm “Những thông tin chăm sóc mắt sau phẫu thuật màng trước võng mạc”	Tờ	1.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 1 mặt, giấy For (180gsm), In theo mẫu của bệnh viện
37.	Tờ bướm “Xuất huyết dịch kính”	Tờ	1.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (180gsm), In theo mẫu của bệnh viện
38.	Tờ bướm “Võng mạc đài tháo đường và thoái hoá hoàng điểm tuổi già”	Tờ	1.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (180gsm), In theo mẫu của bệnh viện
39.	Tờ bướm “Những thông tin chăm sóc mắt sau phẫu thuật lỗ hoàng điểm”	Tờ	1.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 1 mặt, giấy For (180gsm), In theo mẫu của bệnh viện
40.	Tờ bướm “Những thông tin chăm sóc mắt sau phẫu thuật bong võng mạc”	Tờ	2.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ thông tin được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
41.	Giấy ra viện	Tờ	20.000	Giấy màu hồng nhạt Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện
42.	Phiếu hẹn phẫu thuật-khoa Dịch kính võng mạc	Tờ	12.000	Giấy màu, For (100gsm) Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt
43.	Phiếu hướng dẫn người bệnh khoa Dịch kính võng mạc làm xét nghiệm cận lâm sàng	Tờ	12.000	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
44.	Hướng dẫn người bệnh làm xét nghiệm cận lâm sàng	Tờ	12.000	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
45.	Hướng dẫn người bệnh trước và sau phẫu thuật phần sau nhãn cầu	Tờ	3.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
46.	Giấy cam kết (v/v điều trị bệnh theo chi phí thỏa thuận)	Tờ	20.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
47.	Tờ bướm “Hiểu về tắc tĩnh mạch võng mạc”	Tờ	2.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm) In theo mẫu của bệnh viện
48.	Phiếu bàn giao người	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	bệnh chuyển khoa (dành cho bác sỹ)			
V	KHOA MẮT NHI			
1.	Danh mục hồ sơ bệnh án	Tờ	4.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
2.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	4.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
3.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (Cấp 2-3)	Tờ	16.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
4.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (Cấp 2-3) (Ngoại trú nhi)	Tờ	4.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
5.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	5.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
6.	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	20.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (điều dưỡng)	Tờ	100	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (bác sỹ)	Tờ	100	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	4.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	4.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Tờ	4.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật dán keo + kính tiếp xúc	Tờ	150	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
13.	Phiếu truyền máu	Tờ	100	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	50	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Mẫu thẻ theo dõi dị	Tờ	50	Khở giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	ứng			
16.	Thẻ nuôi bệnh	Thẻ	5.000	In màu theo mẫu của bệnh viện Giấy For (180gsm) In ngang, 2 mặt, Kích thước: 55mmx90mm
17.	Biên bản hội chẩn phẫu thuật	Tờ	8.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
18.	Biên bản hội chẩn	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
19.	Tờ điều trị Glaucoma	Tờ	1.200	Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
20.	Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
21.	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	180	Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
22.	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú	Tờ	12.000	Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
23.	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (Dùng cho TE năm viện)	Tờ	8.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
24.	Phiếu khám tiền mê	Tờ	8.000	Giấy màu Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
25.	Bảng kiểm tra tiền phẫu/Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	8.000	- 01 tờ A4 in 2 mặt. Trong đó: - Mặt trước: Khổ giấy A4, dọc, giấy For (80gsm) - Mặt sau: Khổ giấy A4, ngang, giấy For (80gsm)
26.	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị	Tờ	200	Giấy màu Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
27.	Phiếu kiểm tra hồ sơ bệnh án	Tờ	6.000	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
28.	Phiếu khám lé	Tờ	7.200	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
29.	Phiếu chỉ định chẩn đoán hình ảnh	Tờ	600	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm) Giấy màu trắng, có in logo màu xanh của bệnh viện
30.	Phiếu xét nghiệm HH-SH-MD	Tờ	600	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm) Giấy màu trắng, có in logo màu xanh của bệnh viện
31.	Biên bản hội chẩn thuốc	Tờ	120	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
32.	Giấy cam kết (v/v điều trị bệnh theo chi phí thỏa thuận)	Tờ	8.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
33.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lót sàn	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	hốc mắt			
34.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lẻ	Tờ	700	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
35.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật phủ kết mạc	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
36.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật áp lạnh thể mi	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
37.	Phiếu cam kết khám mê kết hợp phẫu thuật cắt bẻ củng mạc	Tờ	400	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
38.	Phiếu cam kết khám mê kết hợp thủ thuật thông lệ đạo	Tờ	500	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
39.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật tạo hình điểm lệ	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
40.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật tiếp khẩu túi lệ mũi + Silicon	Tờ	150	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
41.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lấy thủy tinh thể đục, vỡ sau chấn thương	Tờ	200	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
42.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật thủy tinh thể	Tờ	1500	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
43.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	sức phẫu thuật dị vật giác mạc			
44.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
45.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật khâu giác mạc - khâu củng mạc	Tờ	1.500	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
46.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật mức nội nhãn	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
47.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt bỏ nhãn cầu	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
48.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật nạo vét hốc mắt	Tờ	100	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
49.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt u bì	Tờ	240	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
50.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật u kết mạc	Tờ	300	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
51.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật u vùng mi mắt	Tờ	300	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
52.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật mở thành ngoài hốc mắt	Tờ	150	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	lấy u			
53.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật ung thư mắt trẻ em	Tờ	150	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
54.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật sụp mí	Tờ	500	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
55.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật quặm	Tờ	600	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
56.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật bong võng mạc	Tờ	300	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
57.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức thủ thuật laser võng mạc trong điều trị bảo tồn ung thư nguyên bào võng mạc	Tờ	300	01 tờ A3 gấp đôi (in 3 mặt A4) giấy For (80gsm)
58.	Phiếu hẹn phẫu thuật lé	Tờ	1.200	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
59.	Phiếu hẹn phẫu thuật ngoại trú nhi	Tờ	2.400	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
60.	Phiếu hẹn phẫu thuật khoa nhi	Tờ	6.000	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
61.	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	3.000	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu
62.	Giấy ra viện (màu hồng)	Tờ	6.000	Giấy màu hồng nhạt Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện
63.	Tờ đồng thuật điều trị corticoid liều cao	Tờ	240	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
64.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	600	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
65.	Những điều cần biết trước khi phẫu thuật	Tờ	6.000	Giấy màu Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
66.	Tác dụng phụ của	Tờ	300	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	Corticoid đường uống			
67.	Phiếu hẹn theo dõi điều trị lé	Tờ	3.000	Khổ giấy A4 được gấp đôi thành khổ A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
68.	Đơn kính (phòng lé)	Tờ	4.800	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
69.	Hướng dẫn nhỏ Atropin – Khoa nhi	Tờ	120	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
70.	Hướng dẫn nhỏ Atropin – Phòng lé	Tờ	120	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
71.	Phiếu khám ROP	Tờ	1.200	01 tờ A4 gấp đôi (in 3 mặt A5) giấy For (80gsm)
72.	Tái khám ROP	Tờ	1.200	Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
73.	Hướng dẫn đo thị lực trẻ em bằng chữ E	Tờ	6.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ hướng dẫn được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
74.	Hướng dẫn cách che mắt điều trị nhược thị	Tờ	6.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ hướng dẫn được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
75.	Hồ sơ bệnh án theo dõi glaucoma nhi	Bộ	240	- Sử dụng cho Khoa Mắt nhi - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 2 mặt - Ruột: giấy for 80gsm, 4 tờ A4: Trong đó: + 02 tờ giấy màu, dọc (01 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt). + 02 tờ giấy trắng (1 tờ dọc in 1 mặt; 1 tờ ngang, in 2 mặt) - Bìa và ruột được liên kết bằng đục lỗ và thanh ACCO nhựa. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
76.	Hồ sơ bệnh án theo dõi retinoblastoma	Bộ	120	- Sử dụng cho Khoa Mắt nhi - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 2 mặt + Ruột: giấy for 120gsm, dọc, giấy màu in 1 mặt. - Bìa và ruột được liên kết bằng đục lỗ và thanh ACCO nhựa. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
77.	Sổ vào viện – ra viện – chuyển viện	Cuốn	07	Bìa A3, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt, bìa bao kiếng Ruột: A3, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, giấy for 80gsm, 100 tờ theo mẫu
78.	Sổ thường trực	Cuốn	16	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt, bìa bao kiếng Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 tờ, giấy for

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				80gsm theo mẫu
79.	Sổ kiểm tra	Cuốn	01	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt, bao kiếng bìa Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 110 trang, Giấy For (80gsm) theo mẫu
80.	Sổ hợp giao ban	Cuốn	05	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt, bao kiếng bìa Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 100 tờ, Giấy For (80gsm) theo mẫu
81.	Sổ biên bản hội chẩn	Cuốn	05	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt, bao kiếng bìa Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 90 tờ, Giấy For (80gsm) theo mẫu
82.	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Cuốn	09	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt, bao kiếng bìa Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 90 tờ, Giấy For (80gsm) theo mẫu
83.	Sổ giao nhận đồ vải	Cuốn	04	Bìa A4, ngang, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: A4, ngang, giấy trắng, in 2 mặt, 30 trang, Giấy For (80gsm)
84.	Sổ giao nhận gòn gác-Dụng cụ vô trùng tại khoa KSNK	Cuốn	04	Bìa A4, ngang, màu vàng nhạt, Giấy For (180gsm), in 1 mặt, bìa láng Ruột: A4, ngang, giấy trắng, in 2 mặt, 30 trang, Giấy For (80gsm)
85.	Hồ sơ bệnh án mắt trẻ em (Nội)	Bộ	6.000	- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 13 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 9 tờ A4 (Trong đó có 1 tờ in 1 mặt, 8 tờ in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
86.	Hồ sơ bệnh án mắt trẻ em (Phẫu thuật)	Bộ	6.000	- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 4 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 12 tờ A4 (Trong đó có 1 tờ giấy màu in 2 mặt, 1 tờ giấy trắng in 2 mặt (mặt trước in dọc; mặt sau in ngang) và 10 tờ giấy trắng in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
87.	Bệnh án ngoại trú nhi – Điều trị nội	Bộ	1.200	- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi. - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 2 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 3 tờ A4 in 2 mặt vào gáy. Đóng kim gáy.

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				- Chi tiết theo mẫu bệnh viện
88.	Bệnh án ngoại trú nhi – Cắt chỉ	Bộ	1.200	- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi. - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 5 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 3 tờ A4 in 2 mặt vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
89.	Bệnh án ngoại trú nhi – Phẫu thuật	Bộ	2.400	- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi. - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 7 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 6 tờ A4 (Trong đó có 1 tờ giấy màu in 2 mặt, 1 tờ giấy trắng in 2 mặt (mặt trước in dọc; mặt sau in ngang), 1 tờ A4 dọc in 1 mặt, 3 tờ giấy trắng in 1 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
90.	Bệnh án ngoại trú lé	Bộ	2.400	- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi. - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 1 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, (3 tờ A4, dọc, in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
VI	KHOA TỔNG HỢP			
1.	Hồ sơ bệnh án	Bộ	72.000	- Sử dụng cho Khoa Tổng Hợp. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 20 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 9 tờ A4 (Trong đó có 4 tờ in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt (mặt trước in dọc; mặt sau in ngang) và 4 tờ dọc in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
2.	Hồ sơ bệnh án	Bộ	1.500	- Sử dụng cho Khoa Tổng Hợp. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 18 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 9 tờ A4 (Trong đó có 4 tờ in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt (mặt trước in dọc; mặt sau in ngang) và 4 tờ dọc in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
3.	Giấy chứng thuận phẫu thuật Bệnh viện Mắt TP.HCM	Tờ	6.000	Khỏ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu
4.	Giấy ra viện	Tờ	72.000	Giấy màu hồng nhạt Khỏ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
5.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	72.000	01 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4) giấy For (80gsm)
6.	Giấy cam kết (v/v điều trị bệnh theo chỉ phí thỏa thuận)	Tờ	72.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
7.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Tờ	48.000	Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
8.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Tờ	24.000	Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
9.	Biên bản hội chẩn phẫu thuật	Tờ	6.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	600	Khỏ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
11.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp 2-3)	Tờ	6.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyên khoa (Dành cho bác sĩ)	Tờ	600	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyên khoa (Dành cho điều dưỡng)	Tờ	600	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	100	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sĩ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Tờ	100	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	72.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
17.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	600	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
18.	Giấy hẹn	Tờ	24.000	Giấy màu vàng Khỏ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
19.	Chăm sóc mắt người bệnh trước trong sau phẫu thuật đục thể thủy tinh (Phaco) (điều	Tờ	72.000	Giấy màu Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau.

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	trị trong ngày)			In theo mẫu của bệnh viện
20.	Giấy hẹn	Tờ	24.000	Giấy màu hồng Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
21.	Quy trình hướng dẫn người bệnh phẫu thuật Phaco theo dịch vụ yêu cầu về trong ngày	Tờ	96.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
22.	Phẫu thuật đục thủy tinh thể (cườm khô) (bằng phương pháp Phaco hiện đại)	Tờ	120.000	Giấy màu xanh Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
23.	Đơn thuốc	Tờ	6.000	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
24.	Thuốc cấp	Tờ	72.000	Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
25.	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	6.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
26.	Sổ thường trực	Cuốn	5	Bìa A4, dọc, màu xanh, giấy For 180gsm, in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 100 trang, giấy For 80gsm
27.	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	5	Bìa A4, dọc, màu xanh, giấy For 180gsm, in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 200 trang, giấy For 80gsm
28.	Sổ giao nhận bệnh nhân phòng mổ	Cuốn	60	Bìa A4, dọc, màu xanh, giấy For 180gsm, in 1 trang bìa Ruột: A4, dọc, giấy trắng 200 trang, giấy For 80gsm
VII	KHOA KHÚC XẠ			
1.	Bệnh án ngoại trú	Bộ	15.000	- Sử dụng cho Khoa Khúc xạ. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 8 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ giấy màu in ngang 1 mặt kích thước 10cmx21cm, 3 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
2.	Bệnh án ngoại trú (gáy dày)	Bộ	2.000	- Sử dụng cho Khoa Khúc xạ. - Bìa: KT 36 x 48cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70gsm, 100 gáy KT 6 x 36cm không in. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện.
3.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (Ngoại trú)	Tờ	15.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
4.	Biên bản hội chẩn phẫu thuật	Tờ	15.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
5.	Bảng kiểm tra tiền	Tờ	15.000	- 01 tờ A4 in 2 mặt. Trong đó:

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	phẫu, Bảng kiểm an toàn phẫu thuật Lasik			- Mặt trước: Khở giấy A4, dọc, giấy For (70gsm) - Mặt sau: Khở giấy A4, ngang, giấy For (70gsm)
6.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật Femto - lasik	Tờ	8.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
7.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao Femto - lasik	Tờ	8.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
8.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật SMILE	Tờ	10.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao SMILE	Tờ	10.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật laser bề mặt	Tờ	500	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao laser bề mặt	Tờ	500	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
12.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật Crosslinking	Tờ	300	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao Crosslinking	Tờ	300	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Phiếu phẫu thuật điều trị dẫn phình giác mạc bằng Crosslinking	Tờ	300	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	17.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Biên bản kiểm tra hồ sơ bệnh án	Tờ	17.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
17.	Phiếu đo thông số phẫu thuật Lão thị bằng Laser	Tờ	2.000	Giấy màu xanh dương Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
18.	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	17.000	Kích thước: 130mmx190mm, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu
19.	Phiếu hẹn	Tờ	2.000	Kích thước: 105x150mm, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Giấy đăng ký khám và tư vấn trước phẫu thuật khúc xạ	Tờ	17.000	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
21.	Phiếu hẹn phẫu thuật	Tờ	15.000	Khở giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
22.	Phiếu theo dõi hậu phẫu	Tờ	20.000	Giấy màu hồng Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
23.	Phiếu theo dõi hậu phẫu Phakic IOL	Tờ	3.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
24.	Đơn kính	Tờ	50.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
25.	Hướng dẫn sau phẫu thuật khúc xạ bằng laser	Tờ	15.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
26.	Đơn thuốc	Tờ	1.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
27.	Bệnh án ngoại trú mắt (Phẫu thuật khúc xạ)	Tờ	5.000	Giấy màu trắng Giấy A3 xếp đôi thành A4, in 4 mặt, giấy For (80gsm).
28.	Phiếu đo thông số phẫu thuật khúc xạ bằng laser	Tờ	6.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
29.	Phiếu Danh mục hồ sơ bệnh án	Tờ	15.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
30.	Phiếu hướng dẫn sau khi đã hẹn mổ khúc xạ (Lasik)	Tờ	17.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
31.	Phiếu hồ sơ PTK	Tờ	500	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
32.	Phiếu tái khám PTK	Tờ	500	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
33.	Brochure trước phẫu thuật	Tờ	17.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), khổ giấy được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
34.	Brochure dặn dò sau phẫu thuật	Tờ	17.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), khổ giấy được gấp thành 3 phần bằng nhau In theo mẫu của bệnh viện
35.	Phiếu đặt kính	Tờ	10.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
36.	Cách thức sử dụng thuốc nhỏ mắt	Tờ	15.000	Giấy màu trắng Kích thước: 105mmx150mm, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
37.	Phiếu tóm tắt quy trình khám sau phẫu thuật khúc xạ + Hướng dẫn sau phẫu thuật Femto lasik	Tờ	7.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
38.	Phiếu tóm tắt quy trình	Tờ	10.000	Giấy màu trắng

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	khám sau phẫu thuật khúc xạ + Hướng dẫn sau phẫu thuật SMILE			Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
39.	Phiếu tóm tắt quy trình khám sau phẫu thuật khúc xạ + Hướng dẫn sau phẫu thuật Crosslinking	Tờ	300	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
40.	Sổ thường trực	Cuốn	15	Bìa A4, dọc, màu xanh dương, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm) In theo mẫu của Bệnh viện
41.	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	15	Bìa A4, dọc, màu hồng, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm)
42.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật khúc xạ	Bộ	17.000	Giấy For (80gsm), khổ giấy 2 tờ A3 xếp đôi thành 4 tờ A4 in 8 mặt (8 trang), màu xanh dương giống mẫu
43.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lão thị	Tờ	2.000	Giấy For (80gsm), khổ giấy 30cm x 63cm, căn 2 đường, in thành 6 trang theo mẫu.
44.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật Phakic IOL	Tờ	2.000	Giấy For (80gsm), khổ giấy 30cm x 63cm, căn 2 đường, in thành 5 trang, màu cam theo mẫu.
45.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật Crosslinking	Tờ	1.000	Giấy For (80gsm), khổ giấy 30cm x 42cm, căn 1 đường, in thành 4 trang, màu xanh lá theo mẫu.
46.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật Phototherapeutic Keratectomy (PTK)	Tờ	500	Giấy For (80gsm), khổ giấy 30cm x 42cm, căn 1 đường, in thành 4 trang theo mẫu.
47.	Giấy cam kết giao gọng kính để làm tròng kính	Tờ	40.000	Giấy A5, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
VIII	KHOA CẤP CỨU			
1.	HSBA nội trú khoa	Bộ	300	- Sử dụng cho Khoa Mắt nhi

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	Nhi (phẫu thuật Nhi)			- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 22 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 9 tờ A4 (Trong đó có 1 tờ in 1 mặt, 8 tờ in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
2.	HSBA nội trú khoa Nhi (điều trị nội Nhi)	Bộ	300	- Sử dụng cho Khoa Mắt nhi - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 25 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 9 tờ A4 (Trong đó có 1 tờ in 1 mặt, 8 tờ in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
3.	HSBA nội trú khoa Dịch Kính Vỡng Mạc	Bộ	300	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính vỡng mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 32 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 10 tờ A4 (trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 2 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
4.	HSBA nội trú khoa Giác Mạc	Bộ	500	- Sử dụng cho Khoa Giác mạc - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 20 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A5, 15 tờ A4 (Trong đó có 3 tờ in 1 mặt, 12 tờ in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
5.	HSBA nội trú chấn thương (khoa THTM-TKNK)	Bộ	1.500	- Sử dụng cho Khoa THTM-TKNK - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 12 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 8 tờ A4 (trong đó có 7 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
6.	HSBA nội trú nhãn khoa thần kinh (khoa THTM-TKNK)	Bộ	300	- Sử dụng cho Khoa THTM-TKNK - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 12 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 10 tờ A4 (trong đó có 9 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
7.	HSBA nội trú khoa	Bộ	800	- Sử dụng cho Khoa Glaucoma

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	Glaucoma			- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 18 gáy KT 6x 30cm không in. Dán 2 tờ A3, 5 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
8.	Bệnh án ngoại trú mắt (Bán phần trước)	Bộ	1.200	- Sử dụng cho Khoa Cấp cứu - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 5 tờ A4 (1 tờ in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt (mặt trước in dọc, mặt sau ngang), 3 tờ in dọc 2 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
9.	Bệnh án ngoại trú khoa Cấp cứu	Bộ	600	- Sử dụng cho Khoa Cấp cứu - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 02 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 4 tờ A4 (2 tờ in ngang 2 mặt, 2 tờ in dọc 2 mặt), theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
10.	Bệnh án ngoại trú mắt	Bộ	1.000	- Sử dụng cho Khoa Cấp cứu - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 02 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 5 tờ A4 (1 tờ in ngang 2 mặt, 4 tờ in dọc 2 mặt), theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
11.	Giấy cung cấp thông tin và cung cấp chung về nhập viện nội trú	Tờ	3.500	Khô giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp 2-3)	Tờ	2.000	Khô giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	2.000	Khô giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
14.	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	2.000	Khô giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú	Tờ	2.000	Khô giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Tờ	3.500	Khô giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
17.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho Bác sĩ)	Tờ	3.500	Khô giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
18.	Biên bản hội chẩn	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
19.	Giấy cam kết chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Bảng kiểm tra phẫu thuật - Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	2.000	- 01 tờ A4 in 2 mặt. Trong đó: - Mặt trước: Khổ giấy A4, dọc, giấy For (70gsm) - Mặt sau: Khổ giấy A4, ngang, giấy For (70gsm) - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
21.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
22.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
23.	Thẻ dị ứng	Tờ	100	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
24.	Giấy cam kết (V/v điều trị bệnh theo chi phí thỏa thuận)	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
25.	Phiếu điện tim	Tờ	100.000	Khổ giấy A3, ngang, gấp đôi thành 2 tờ A4 (in 3 mặt), giấy For (80gsm)
26.	Đơn thuốc	Tờ	4.000	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
27.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
28.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (phẫu thuật ngoại trú)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
29.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (ngoại trú cấp cứu)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
30.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp cứu nội khoa)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
31.	Dẫn dò người bệnh sau lấy dị vật giác mạc – kết mạc	Tờ	2.000	In màu Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
32.	Phiếu thông tin người bệnh	Tờ	5.000	Kích thước: 100mmx150mm, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
33.	Sổ thường trực cấp cứu – Khoa Cấp cứu	Cuốn	120	Bìa giấy cứng A3, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (160gsm) Ruột: Khổ giấy A3, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) Chi tiết theo mẫu bệnh viện
34.	Sổ thường trực	Cuốn	200	Bìa giấy cứng A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				Chi tiết theo mẫu bệnh viện
35.	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	50	Bìa giấy cứng A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) Chi tiết theo mẫu bệnh viện
36.	Sổ bàn giao dụng cụ cấp cứu	Cuốn	40	Bìa giấy cứng A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) Chi tiết theo mẫu bệnh viện
37.	Sổ bàn giao người bệnh khoa Cấp cứu và khoa GMHS	Cuốn	20	Bìa giấy cứng A4, ngang, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, số lượng 50 tờ, giấy for (80gsm) Chi tiết theo mẫu bệnh viện
38.	Sổ bàn giao người bệnh khoa Cấp cứu và các khoa lâm sàng	Cuốn	20	Bìa giấy cứng A4, ngang, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, số lượng 50 tờ, giấy for (80gsm) Chi tiết theo mẫu bệnh viện
IX	KHOA DƯỢC			
1.	Bản tin Dược lâm sàng	Cuốn	100	Bìa: Khỏ giấy A4, in 2 mặt, có màu, bìa cứng, giấy for (180 gsm), cán màng Ruột: Khỏ giấy A4, in 2 mặt, có màu, giấy for (140 gsm), cán màng In theo mẫu bệnh viện. Tổng số trang: 20
2.	Danh mục thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau (LASA)	Bộ	120	Khỏ giấy A4, in 2 mặt (chọn kiểu in “Flip pages on long edge”), có màu, giấy for (80 gsm), ép plastic cứng. Chi tiết: Bản A4 ngang, ép plastic cứng từng tờ, bấm 2 hoặc nhiều lỗ ở cạnh trên của tờ A4 để cố định khung và có móc treo để DM LASA có thể treo được trên tường hoặc tủ thuốc, thuận tiện lật lên xuống giống như cuốn lịch treo tường In theo mẫu bệnh viện. Tổng số trang: 15
3.	Thẻ cảnh báo dị ứng thuốc	Cái	2.000	Kích thước thẻ giấy: 7,5cm x 5cm, giấy for 100gsm In 2 mặt, bìa cứng, màu vàng. In theo mẫu bệnh viện. Tổng số trang: 02
4.	Bao nhựa bọc thẻ dị ứng thuốc	Cái	2.000	Bao nhựa bọc thẻ có kích thước lớn hơn thẻ (Kích thước thẻ giấy: 7,5cm x 5cm)
5.	Danh mục thuốc nguy cơ cao ADR	Bộ	110	Khỏ giấy A4, in 1 mặt, có màu, giấy for (80 gsm), ép plastic cứng. In theo mẫu bệnh viện. Tổng số trang: 01
X	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH –			

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	THĂM DÒ CHỨC NĂNG NHÃN KHOA			
1.	Bao phim X- Quang	Cái	12.000	Giấy draft, 160gsm. Kích thước bao: 42cmx28cm, in 1 mặt Có quai xách, dán viền chữ L In theo mẫu của bệnh viện
2.	Hồ sơ bệnh án ngoại trú (Bán phần sau)	Bộ	7.000	06 tờ A4 dọc, 1 tờ A3 ngang xếp đôi Trong đó: + 01 tờ giấy A4 màu xanh, dọc, giấy For (120gsm), in 1 mặt. + 05 tờ in A4 trắng, dọc (1 tờ in 1 mặt, 4 tờ in 2 mặt), giấy For (80gsm). + 1 tờ giấy A3, ngang, xếp đôi (gồm 3 mặt, trong đó 1 bên 2 mặt, 1 bên 1 mặt), giấy For 80 gsm: giấy cam kết Laser quang đông Hồ sơ bệnh án dán thứ tự theo mẫu và được đóng gáy hồ sơ
3.	Giấy cam kết chụp mạch huỳnh quang	Tờ	600	Khỏ giấy A3, ngang, xếp đôi (gồm 3 mặt, trong đó 1 bên 2 mặt, 1 bên 1 mặt), giấy For 80 gsm
4.	Phiếu chụp huỳnh quang	Tờ	1.800	Khỏ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
5.	Phiếu hướng dẫn đo thị trường	Tờ	7.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
6.	Phiếu hướng dẫn chụp đáy mắt	Tờ	7.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Phiếu hướng dẫn siêu âm nhãn cầu hốc mắt phòng 106 +108	Tờ	7.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Phiếu hướng dẫn đếm tế bào nội mô	Tờ	7.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu hướng dẫn siêu âm tính công suất thủy tinh thể nhân tạo & siêu âm B khoa CĐHA-TDCNNK (lần 3)	Tờ	7.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Phiếu hướng dẫn siêu âm tính công suất thủy tinh thể nhân tạo & siêu âm B khoa CĐHA-TDCNNK (lần 4)	Tờ	7.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Phiếu hướng dẫn chụp	Tờ	7.200	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	X – Quang			
12.	Phiếu hướng dẫn chụp cắt lớp võng mạc 105 + 107	Tờ	7.200	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu hướng dẫn siêu âm bán phần trước	Tờ	5.000	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Phiếu hướng dẫn laser quang đông võng mạc	Tờ	7.200	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Phiếu hướng dẫn chụp bản đồ giác mạc	Tờ	5.000	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Sơ đồ khoa Chẩn đoán hình ảnh- Thăm dò chức năng nhãn khoa	Tờ	7.200	In màu Khổ giấy A4, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
17.	Sổ test máy Siêu âm B	Cuốn	60	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
18.	Sổ test máy Siêu âm A	Cuốn	18	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
19.	Sổ test máy OCT	Cuốn	18	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
20.	Sổ test máy UBM	Cuốn	6	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
21.	Sổ test máy ĐO THỊ TRƯỜNG	Cuốn	12	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
22.	Sổ test máy CHỤP ĐÁY MẮT HUỖNH QUANG	Cuốn	12	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
23.	Sổ test máy LASER QUANG ĐÔNG VÕNG MẠC	Cuốn	6	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
24.	Sổ test máy ĐẾM TẾ BÀO NỘI MÔ	Cuốn	6	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
25.	Sổ test máy IOL MASTER	Cuốn	24	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
26.	Sổ test máy CHỤP BẢN ĐỒ GIÁC MẠC	Cuốn	6	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				tờ
27.	Sổ test máy JAVAL KẾ	Cuốn	12	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
28.	Sổ test máy X-QUANG	Cuốn	12	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
XI	PHÒNG CHỈ ĐẠO TUYỂN			
1.	Hồ sơ bệnh án	Bộ	1.200	- Sử dụng cho Phòng chỉ đạo tuyển. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 25 gáy KT 6 x 30cm không in (trong đó có 1 gáy giấy màu vàng). Dán 1 tờ A5 ngang, in 1 mặt, 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 9 tờ A4 (trong đó có 6 tờ in 2 mặt (trong đó có 1 tờ giấy màu vàng, 1 tờ 2 mặt: mặt trước in dọc, mặt sau in ngang), 3 tờ in 1 mặt,) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
2.	Đơn xin mở mắt	Tờ	1.500	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
3.	Phiếu khám nội	Tờ	1.500	Khở giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
4.	Phiếu điện tim	Tờ	1.500	Khở giấy A3, gấp đôi thành 02 tờ A4 (in 3 mặt), giấy For (80gsm)
5.	Phiếu chỉ định chẩn đoán hình ảnh	Tờ	1.500	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
6.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Tờ	1.500	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức, phẫu thuật đục thủy tinh thể và đặt kính nội nhãn	Tờ	1.500	Giấy màu Khở giấy A3, dọc, in 2 mặt, giấy For (100gsm)
8.	Đơn thuốc (cấp về nhà) dành cho bệnh nhân mổ đục thủy tinh thể	Tờ	1.500	Khở giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
9.	Đơn thuốc (bệnh viện Mắt)	Tờ	1.500	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
10.	Giấy ra viện	Tờ	1.500	Giấy màu hồng Khở giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
XII	KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC			
1.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Giác mạc	Tờ	6.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
2.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Dịch kính võng mạc (Avastin)	Tờ	36.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
3.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Dịch kính võng mạc (Lucentis)	Tờ	2.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
4.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Dịch kính võng mạc	Tờ	20.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
5.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa DKVM – Viêm mủ nội nhãn	Tờ	2.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
6.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa THPTM-TKNK (gây tê)	Tờ	30.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa THPTM-TKNK (gây mê)	Tờ	250	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa THPTM-TKNK (nội nhãn)	Tờ	5.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Glaucoma	Tờ	8.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
10.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Mắt Nhi (Gây mê)	Tờ	8.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
11.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Mắt Nhi (Gây tê)	Tờ	2.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Phòng mổ Mắt Nhi + Đục TTT (Gây mê)	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Phòng mổ Mắt Nhi + Đục TTT (Gây tê)	Tờ	1.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Tổng hợp	Tờ	140.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Phiếu Gây mê hồi sức	Tờ	7.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Phiếu phẫu thuật/thủ thuật	Tờ	2.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
17.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	500	In màu nhạt Khở giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
18.	Phiếu Hướng dẫn người bệnh sau phẫu thuật (Gây mê)	Tờ	5.000	Kích thước: 120mmx150mm, ngang, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
19.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Tờ	5.000	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	5.000	Khở giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
21.	Bảng kiểm tra chi tiết dao, kim sử dụng trong phẫu thuật	Tờ	45.000	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
22.	Phiếu khám tiền mê (MA, MB, MC, MD, MN, TM)	Tờ	50.000	Giấy màu vàng Chữ ghi chú in chữ màu xanh Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
23.	Bảng kiểm test máy mổ phaco Infinity	Tờ	2.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
24.	Bảng kiểm test máy Monitor	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
25.	Bảng kiểm giám sát test máy gây mê và gây mê giúp thở	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
26.	Phiếu theo dõi điều trị (Hoãn khám tiền mê)	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
27.	Phiếu theo dõi điều trị (Hoãn trong phẫu thuật)	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
28.	Phiếu chăm sóc (Hoãn mổ)	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
29.	Phiếu theo dõi tại phòng hồi tỉnh Phiếu đánh giá trước khi cho người bệnh ra khỏi phòng hồi tỉnh	Tờ	5.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
30.	Phiếu chăm sóc cấp 1	Tờ	5.000	Khổ giấy A3, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
31.	Phiếu theo dõi phẫu thuật (Biến chứng)	Tờ	3.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
32.	Sổ phẫu thuật	Cuốn	30	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm)
33.	Sổ giao ban	Cuốn	60	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
34.	Sổ thường trực	Cuốn	60	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
35.	Sổ phiếu lĩnh thuốc	Cuốn	100	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
36.	Sổ công khai thuốc hàng ngày	Cuốn	20	Bìa giấy A3, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A3, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
37.	Sổ bàn giao người bệnh	Cuốn	100	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) In theo mẫu bệnh viện

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
XIII	KHOA DINH DƯỠNG			
1.	Dinh dưỡng trong đái tháo đường	Tờ	1.000	- Khở giấy: A4 - In màu 2 mặt - Chất liệu: Giấy Couche 150gsm - Số đường cần: 2 đường
2.	Dinh dưỡng trong bệnh lý tim mạch	Tờ	1.000	- Khở giấy: A4 - In màu 2 mặt - Chất liệu: Giấy Couche 150gsm - Số đường cần: 2 đường
3.	Dinh dưỡng cho đôi mắt sáng khỏe	Tờ	1.000	- Khở giấy: A4 - In màu 2 mặt - Chất liệu: Giấy Couche 150gsm - Số đường cần: 2 đường
4.	Dinh dưỡng cho sự phát triển của trẻ	Tờ	1.000	- Khở giấy: A4 - In màu 2 mặt - Chất liệu: Giấy Couche 150gsm - Số đường cần: 2 đường
XIV	KHOA KHĂM MẮT			
1.	Bệnh án ngoại trú mộng (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	14.000	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 3 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
2.	Bệnh án ngoại trú lệ (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	1.500	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 3 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
3.	Bệnh án ngoại trú dư da (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	1.500	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 3 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
4.	Bệnh án ngoại u kết mạc BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	1.000	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 3 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
5.	Bệnh án ngoại trú mắt (BÁN PHẦN TRƯỚC) (không có đơn thuốc)	Bộ	200	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 3 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
6.	Bệnh án ngoại trú mắt (BÁN PHẦN TRƯỚC) (tiêm Botox)	Bộ	300	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 6 gáy KT 3 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 2 tờ A4 (trong đó có 1 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
7.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật mọng thịt	Tờ	13.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật sụp mí	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật quặm	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật thẩm mỹ mí mắt	Tờ	1.000	Khổ giấy A3, gấp đôi thành 02 tờ A4, in 3 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lé	Tờ	1.500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật u vùng	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	mi mắt			
14.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật phủ kết mạc trên mắt mắt chức năng	Tờ	500	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	20.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	200	Khở giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
17.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (Cấp 2 -3)	Tờ	18.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
18.	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	2.000	Khở giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
19.	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	500	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Thẻ dự ứng	Tờ	500	Khở giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
21.	Các bước hướng dẫn người bệnh phẫu thuật trung phẫu phòng 116 – lầu 1 khu B	Tờ	20.000	Khở giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
22.	Giấy hẹn phẫu thuật	Tờ	20.000	Khở giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
23.	Quy định đối tượng ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	12.000	Khở giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
24.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ mộng hoặc cắt u kết mạc	Tờ	12.000	Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
25.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ quặm, mí đôi, dư da	Tờ	2.000	Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
26.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ lệ	Tờ	2.000	Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
27.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ sụp mí	Tờ	2.000	Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
28.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau cắt nốt ruồi hoặc u mi	Tờ	2.000	Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
29.	Sổ thường trực	Cuốn	20	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm)
30.	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	36	Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm)

Lưu ý:

- Báo giá phải có ký tên đóng dấu xác thực của Quý Công ty. Đơn vị gửi bảng báo giá đề xuất và giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ năng lực hoạt động thuộc lĩnh vực bắt buộc phải có chứng chỉ hoạt động theo quy định.

- Đối với các yêu cầu mời chào giá hàng hóa có yêu cầu về tính năng kỹ thuật, cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa.

- Trong tài liệu của quý công ty khi chào giá gói thầu mua sắm hàng hóa vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - KHÔNG xóa, KHÔNG thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 1). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; HCQT (BTĐT, 2b)



(Tên Công ty)

CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm/gói thầu ...

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu mời chào giá của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho gói thầu/nhu cầu mua sắm ... như sau:

1. Danh mục:

Stt	Tên hàng hóa	Tên thương mại (nếu có)	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá + VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Tính năng kỹ thuật của Công ty
	(1)				(2)	(3)	A	B = A x (4)	(5)	(6)
1										
2										

(1), (2), (3), (4), (5): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(6): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Thời gian thực hiện: ngày.

4. Chế độ bảo hành: (đối với hàng hóa).

5. Điều kiện thanh toán:

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



